

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỸ TÚ
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 06 – 9 – 2019

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ TÚ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Cao Thanh Nhanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Lâm.

2. Ông Nguyễn Thành N.

- Thư ký phiên tòa: Ông Cao Thành Đạt, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:

Bà Triệu Thị Mộng Lý – Kiểm sát viên.

Trong ngày 06 tháng 9 năm 2019 tại Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 155/2019/TLST-HNGĐ, ngày 17 tháng 6 năm 2019 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 51/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 7 năm 2019, Quyết định hoãn phiên tòa số: 34/2019/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 8 năm 2019 và Thông báo số: 337/TB-TA ngày 20 tháng 8 năm 2019 về việc dời ngày xét xử sơ thẩm, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Thạch Thị Thanh N.**

Địa chỉ: Số x, khóm M, phường P, thị xã C, tỉnh Sóc Trăng.

(Có mặt).

2. Bị đơn: Anh **Lâm Chanh C.**

Địa chỉ: Số y, ấp T, xã M, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

(Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Trong đơn khởi kiện ngày 05 tháng 12 năm 2018 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại Phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn là chị Thạch Thị Thanh N trình bày:

Chị Thạch Thị Thanh N và anh Lâm Chanh C cưới nhau vào năm 2014, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân phường P, thị xã C, tỉnh Sóc Trăng cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 12 tháng 02 năm 2014, là hôn nhân tự nguyện. Anh, chị hạnh phúc được thời gian đầu, sau đó thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống. Anh, chị không còn sống chung với nhau từ khoảng năm 2016 đến nay. Nay chị N yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn.

Về con chung: Chị N với anh C có một con chung tên Lâm Thị P, sinh ngày 15 tháng 12 năm 2014, đang sống chung với chị N. Chị yêu cầu giao con cho chị nuôi dưỡng đến trưởng thành, không yêu cầu anh C cấp dưỡng vì chị có thu nhập ổn định.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Đối với bị đơn: Anh Lâm Chanh C đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; quyết định đưa vụ án ra xét xử; quyết định hoãn phiên tòa, Thông báo về việc dời ngày xét xử sơ thẩm và giấy triệu tập tham gia tố tụng theo quy định của pháp luật, nhưng anh C đều vắng mặt không lý do, cũng không nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ và văn bản ghi ý kiến của anh đối với yêu cầu khởi kiện của chị N.

3. Ý kiến của Kiểm sát viên: Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; về nội dung thì cho rằng có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; các đương sự không yêu cầu giải quyết về tài sản chung và nợ chung, nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi Pên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Thủ tục thụ lý việc khởi kiện của nguyên đơn đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật; về thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn yêu cầu ly hôn với bị đơn, do bị đơn có nơi cư trú tại ấp T, xã M, huyện T, tỉnh Sóc Trăng, nên đây là vụ án ly hôn và việc Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Sóc Trăng giải quyết là đúng thẩm quyền, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn là anh C đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ hai lần, nhưng đều vắng mặt và không có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt và việc vắng mặt này không gây khó khăn, ảnh hưởng đến việc giải quyết khách quan, toàn diện vụ án nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn do Ủy ban nhân dân phường P, thị xã C, tỉnh Sóc Trăng cấp, thì chị N và anh C đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền vào ngày 12 tháng 02 năm 2014. Tòa án đã thông báo và triệu tập các đương sự tham gia hòa giải, nhưng anh C đều vắng mặt không lý do; anh, chị không còn sống chung với nhau từ năm 2016 đến nay, chị N cho rằng chị không còn tình cảm với anh C, nếu tiếp tục chung sống cũng không hạnh phúc. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa chị N với anh C không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị N.

[2.2] Về con chung: Chị N và anh C có một con chung tên Lâm Thị P, sinh ngày 15 tháng 12 năm 2014. Cháu P đang sống chung với chị N. Chị N yêu cầu được nuôi dưỡng cháu P, không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con, đồng thời trong quá trình giải quyết vụ án thì anh C cũng không có ý kiến gì đối với yêu cầu nuôi con. Nhằm ổn định cuộc sống của cháu P được sống chung với chị N, nên giao con chung cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng đến khi tròn 18 (mười tám) tuổi, theo quy định của khoản 1, 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

Về quyền, nghĩa vụ của anh C đối với con chung: Anh C không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với chị N; anh cũng có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở theo quy định tại khoản 1, 3 Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị N không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, nên anh C không phải cấp dưỡng nuôi con.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí sơ thẩm: Chị N là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự trong vụ án ly hôn, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, khoản 1 và 2 Điều 81, khoản 1 và 3 Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn chị Thạch Thị Thanh N được ly hôn với bị đơn anh Lâm Chanh C.

2. Về con chung:

Giao cháu Lâm Thị P, sinh ngày 15 tháng 12 năm 2014 cho chị Thạch Thị Thanh N trực tiếp nuôi dưỡng đến khi cháu P tròn 18 (mười tám) tuổi.

Anh Lâm Chanh C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Anh Lâm Chanh C không phải cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Thạch Thị Thanh N phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006246 ngày 13 tháng 6 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng. Chị N đã nộp xong án phí sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện T;
- UBND phường P, thị xã C, tỉnh Sóc Trăng;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, (khi bản án có hiệu lực pháp luật);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Cao Thanh Nhanh